

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc hướng dẫn phân cấp quản lý, sử dụng và xử lý tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. **N**

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- VP: các PCVP; các CV;
- Lưu: VT, (HD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bích Ngọc

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2015/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là những tài sản được cơ quan thẩm quyền giao, điều chuyển, tiếp nhận từ các dự án sau khi kết thúc; đầu tư, mua sắm bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi của đơn vị hoặc tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật, gồm:

- a) Đất đai;
- b) Nhà, các tài sản khác gắn liền với đất;
- c) Phương tiện giao thông vận tải;
- d) Máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác.

3. Việc quản lý, xử lý một số lĩnh vực tài sản nhà nước khác như sau:

a) Về thẩm quyền, thủ tục quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ; Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính;

b) Về quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính;

c) Về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ; Thông tư số 98/2014/TT-BTC ngày 25/7/2014 của Bộ Tài chính;

d) Về quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính;

4. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước chưa quy định tại Quyết định này thực hiện theo Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và pháp luật liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước.

Điều 3. Nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền đối với các nội dung sau:

1. Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước;
2. Thuê tài sản;
3. Thu hồi tài sản nhà nước;
4. Điều chuyển tài sản nhà nước;
5. Bán tài sản nhà nước;
6. Thanh lý tài sản nhà nước;
7. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước;
8. Cho thuê tài sản nhà nước;
9. Sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích liên doanh, liên kết;
10. Tiêu huỷ tài sản nhà nước;

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước

1. Đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

2. Đối với tài sản là phương tiện giao thông vận tải, máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, gồm:

- Xe ô tô các loại sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện) căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm và trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quyết định mua sắm tài sản nhà nước (trừ xe ô tô các loại) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản nhà nước (trừ xe ô tô các loại) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

d) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản;

e) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

g) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính) được quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này) từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị nhưng phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Việc mua sắm tài sản quy định tại Khoản 2 Điều này thực hiện theo phương thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm trực tiếp hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

Các trường hợp mua sắm tài sản nhà nước quy định tại điểm a, b, c, d, e Khoản 2 Điều này nếu mua sắm theo phương thức tập trung thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc

a) Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được thuê trụ sở làm việc.

b) Chủ tịch UBND huyện, Thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê trụ sở làm việc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được thuê trụ sở làm việc.

c) Điều kiện thuê trụ sở làm việc

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong các trường hợp sau đây:

- Chưa có trụ sở làm việc hoặc thiếu diện tích trụ sở làm việc so với tiêu chuẩn, định mức mà làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Trụ sở làm việc hiện có đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn khi sử dụng;

- Việc thuê trụ sở làm việc có hiệu quả hơn việc đầu tư xây dựng, mua sắm;

- Chỉ có nhu cầu sử dụng trụ sở làm việc trong thời gian ngắn.

d) Trình tự, thủ tục thuê trụ sở làm việc

- Lập phương án thuê trụ sở làm việc: cơ quan, tổ chức, đơn vị đủ điều kiện thuê trụ sở làm việc quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều này căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc và hiện trạng sử dụng trụ sở làm việc để lập phương án thuê trụ sở làm việc, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phương án thuê trụ sở làm việc gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Sự cần thiết thuê trụ sở làm việc;

+ Diện tích trụ sở làm việc cần thuê;

+ Cấp, hạng, tiêu chuẩn trụ sở làm việc cần thuê;

+ Yêu cầu về địa điểm, vị trí của trụ sở làm việc cần thuê;

+ Thời hạn thuê;

+ Mức giá thuê tối đa trong một năm.

- Sau khi phương án thuê trụ sở làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, tổ chức, đơn vị lập dự toán kinh phí thuê trong dự toán ngân sách hàng năm, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê trụ sở làm việc:

+ Trường hợp số tiền thuê trụ sở làm việc của cả thời hạn thuê có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên (tính cho một hợp đồng) thì căn cứ phương án thuê trụ sở làm việc được phê duyệt, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện lựa chọn nhà cung cấp theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Riêng đối với thông báo mời thầu, ngoài việc thông báo theo quy định của pháp luật về đấu thầu thì cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện đăng tải trên trang điện tử về tài sản nhà nước của địa phương (nếu có);

+ Trường hợp số tiền thuê trụ sở làm việc của cả thời hạn thuê có giá trị dưới 100 triệu đồng (tính cho một hợp đồng) thì việc lựa chọn nhà cung cấp do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thông qua hình thức đấu thầu hoặc hình thức chỉ định;

+ Trường hợp trên địa bàn địa phương chỉ có một nhà cung cấp đáp ứng được yêu cầu thì áp dụng hình thức chỉ định, không phụ thuộc vào giá trị của hợp đồng.

- Đơn giá thuê trụ sở làm việc:

+ Trường hợp áp dụng hình thức đấu thầu thì đơn giá thuê được xác định theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

+ Trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thì đơn giá thuê do cơ quan, tổ chức, đơn vị và nhà cung cấp thỏa thuận trên cơ sở giá thuê phổ biến tại thị trường địa phương, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều này phê duyệt. Nếu số tiền thuê trụ sở làm việc từ 100 triệu đồng/năm trở lên thì để có cơ sở thỏa thuận với nhà cung cấp, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuê trụ sở làm việc phải thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá xác định đơn giá thuê.

- Việc thuê trụ sở làm việc được thực hiện theo hợp đồng, gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Tên, địa chỉ của bên cho thuê và bên thuê;

+ Mục đích thuê;

+ Thời hạn thuê (không vượt quá thời hạn theo phương án đã được phê duyệt);

+ Đơn giá thuê;

+ Phương thức, thời hạn thanh toán;

+ Quyền, nghĩa vụ và cam kết của bên thuê và bên cho thuê;

+ Hiệu lực hợp đồng.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị các cấp căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị làm việc và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động.

b) Điều kiện thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc)

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong các trường hợp sau đây:

- Chưa có tài sản hoặc thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức mà làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - Tài sản hiện có đã hư hỏng không còn sử dụng được hoặc không đảm bảo an toàn khi sử dụng;
 - Chỉ có nhu cầu sử dụng tài sản trong thời gian ngắn hoặc không thường xuyên.
- c) Trình tự, thủ tục thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc)

Trình tự, thủ tục thuê tài sản khác thực hiện tương tự như quy định tại Điểm d, Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Tài sản nhà nước là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất bị bỏ trống hoặc không sử dụng quá 12 tháng; quyền sử dụng đất được giao để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc mà tiến độ sử dụng đất bị chậm phải thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư, xây dựng;

b) Tài sản nhà nước là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác đã trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị không đúng tiêu chuẩn, định mức, sử dụng sai mục đích, không còn nhu cầu sử dụng và các trường hợp cần thiết khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, gồm:

- Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất;
- Xe ô tô các loại;
- Máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản nhà nước trong các trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản được quy định tại Điểm a, Khoản này).

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định thu hồi tài sản nhà nước trong các trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ

các tài sản đã quy định tại Điểm a, b, Khoản này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nội bộ theo ngành và cấp quản lý.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản nhà nước

a) Cơ quan tài chính, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra khi phát hiện tài sản nhà nước thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này phải quyết định thu hồi theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi theo quy định của Quy định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thu hồi tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản bị thu hồi phải thực hiện chuyển giao đầy đủ tài sản nhà nước bị thu hồi theo đúng quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Cơ quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản nhà nước quy định tại Điểm d Khoản này chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các công việc sau đây:

- Tổ chức thu hồi tài sản theo đúng quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Bảo quản tài sản nhà nước bị thu hồi;

- Lập phương án xử lý (điều chuyển, bán) tài sản nhà nước bị thu hồi, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 7 và Điều 8 Quy định này quyết định;

- Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản bị thu hồi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định; trường hợp tài sản có thể khai thác được trong thời gian chưa xử lý thì được phép khai thác để tận thu cho Nhà nước;

- Nộp tiền thu được từ việc xử lý và khai thác tài sản nhà nước bị thu hồi, sau khi trừ các chi phí có liên quan vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản nhà nước được quy định như sau:

- Sở Tài chính tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản nhà nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản nhà nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước được thực hiện điều chuyển trong các trường hợp:

a) Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Để mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn;

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước nhưng không có nhu cầu sử dụng thường xuyên;

d) Tài sản nhà nước bị thu hồi; tài sản bị tịch thu hoặc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Các trường hợp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức về trụ sở làm việc và tiêu chuẩn, định mức về trang thiết bị làm việc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, gồm:

- Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất;

- Xe ô tô các loại;

- Máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các sở, ban, ngành và cấp huyện trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, gồm: máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác (trừ các tài sản đã quy định tại Điểm a, Khoản này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản nhà nước là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác (trừ các tài sản đã quy định tại Điểm a, b, Khoản này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nội bộ theo ngành và cấp quản lý.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản nhà nước

a) Khi có tài sản cần điều chuyển, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng tài sản đó hoặc cơ quan quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 6 Quy định này (sau đây gọi chung là cơ quan có tài sản) phải lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2, Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản bao gồm:

- Công văn đề nghị chuyển tài sản của cơ quan có tài sản;

- Công văn đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận tài sản;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chuyển tài sản, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định điều chuyển tài sản nhà nước. Nội dung chủ yếu của quyết định điều chuyển tài sản nhà nước gồm:

- Tên cơ quan có tài sản điều chuyển;
- Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị được nhận tài sản điều chuyển;
- Danh mục tài sản điều chuyển; thông tin, giá trị về tài sản theo sổ kế toán;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- Cơ quan có tài sản điều chuyển chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị được nhận tài sản điều chuyển tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản nhà nước; thực hiện hạch toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP;

- Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ về quyền sử dụng đất trong trường hợp điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất.

d) Việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản. Nội dung chủ yếu của biên bản giao, nhận tài sản gồm:

- Tên, địa chỉ của bên giao tài sản;
- Tên địa chỉ của bên nhận tài sản;
- Danh mục tài sản giao, nhận;
- Trách nhiệm của bên giao, bên nhận tài sản;
- Danh mục các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

e) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc điều chuyển, tiếp nhận tài sản do đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

1. Các trường hợp bán tài sản nhà nước:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng thường xuyên mà không xử lý theo phương thức thu hồi hoặc điều chuyển tài sản; việc sử dụng tài sản nhà nước không có hiệu quả (trừ tài sản chuyên dùng);

b) Dôi dư do thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Phải thay thế tài sản do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Tài sản nhà nước bị thu hồi; tài sản bị tịch thu hoặc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, gồm:

- Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất;
- Xe ô tô các loại;
- Máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính trên cơ sở đề nghị bán tài sản nhà nước của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định bán tài sản nhà nước (trừ các tài sản đã quy định tại Điểm a Khoản này) là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định bán tài sản nhà nước (trừ các tài sản đã quy định tại Điểm a, b Khoản này) là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi của ngành và cấp quản lý.

d) Riêng các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính: thủ trưởng đơn vị quyết định bán tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (trừ tài sản quy định tại Điểm a Khoản này).

3. Phương thức bán tài sản nhà nước

a) Việc bán tài sản nhà nước thực hiện bằng phương thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; trừ các trường hợp được bán chỉ định quy định tại Điểm b Khoản này.

b) Các trường hợp được bán chỉ định tài sản nhà nước gồm:

- Tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để sử dụng cho mục đích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường phù hợp với quy hoạch được duyệt. Nếu có từ hai tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mục đích xã hội hóa thuộc các lĩnh vực nêu trên thì thực hiện đấu giá giữa các đối tượng tham gia đăng ký;

- Trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản nhà nước và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm.

4. Trình tự, thủ tục bán tài sản nhà nước

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản nhà nước thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này lập hồ sơ đề nghị bán tài sản nhà nước gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2, Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị bán tài sản nhà nước gồm:

- Văn bản đề nghị bán tài sản nhà nước của cơ quan quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

- Danh mục tài sản đề nghị bán (Thông tin, giá trị theo sổ kế toán về tài sản).

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị bán tài sản, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định bán tài sản nhà nước. Nội dung chủ yếu của quyết định bán tài sản nhà nước gồm:

- Tên cơ quan có tài sản bán;
- Danh mục tài sản được bán (chủng loại, số lượng, tình trạng, giá trị);
- Phương thức bán tài sản (đấu giá, chỉ định);
- Quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Trong thời hạn 60 ngày đối với tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất, 30 ngày đối với tài sản khác, kể từ ngày có quyết định bán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan có tài sản bán phải tổ chức bán tài sản nhà nước theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều này.

d) Sau khi hoàn thành việc bán tài sản, cơ quan có tài sản bán hạch toán giảm tài sản và báo cáo kê khai biến động tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

e) Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ về quyền sử dụng đất theo quy định trong trường hợp bán tài sản là trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất.

5. Bán đấu giá tài sản nhà nước

a) Xác định giá khởi điểm:

- Đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất, cơ quan có tài sản bán thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định về giá để xác định giá tài sản, gửi Sở Tài chính để phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá khởi điểm. Trường hợp không thuê được tổ chức có đủ điều kiện thẩm định về giá thì Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng để xác định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá khởi điểm.

Giá khởi điểm của tài sản trên đất phải bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại; giá khởi điểm của quyền sử dụng đất được xác định sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường tại thời điểm chuyển nhượng theo mục đích sử dụng mới của khu đất.

- Đối với tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán thành lập Hội đồng để xác định giá khởi điểm hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá để xác định giá khởi điểm, làm căn cứ trình cơ quan tài chính cùng cấp (Sở Tài chính, Phòng Tài chính kế hoạch) quyết định.

Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá phải bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ.

b) Cơ quan có tài sản bán thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản để thực hiện bán đấu giá tài sản; trường hợp đặc biệt do tài sản có giá trị lớn, phức tạp hoặc không thuê được tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản thì thành lập Hội đồng để bán đấu giá tài sản.

6. Bán chỉ định tài sản nhà nước

a) Việc xác định giá bán chỉ định tài sản nhà nước thực hiện như sau:

- Đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất, cơ quan có tài sản bán thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định về giá thực hiện xác định giá tài sản, gửi Sở Tài chính để phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định giá và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá bán. Trường hợp không thuê được tổ chức có đủ điều kiện thẩm định về giá thì Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện xác định giá và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá bán.

Giá bán của tài sản trên đất phải bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại; giá trị quyền sử dụng đất được xác định sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường tại thời điểm chuyển nhượng theo mục đích sử dụng mới của khu đất, không thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

- Đối với tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác, thủ trưởng cơ quan có tài sản bán thành lập Hội đồng để xác định giá bán hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định về giá thực hiện xác định giá để làm căn cứ quyết định giá bán.

Giá bán của tài sản phải bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ.

b) Căn cứ vào quyết định bán tài sản nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và giá bán quy định tại Điểm a Khoản này, cơ quan có tài sản bán thực hiện bán cho người mua tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự.

7. Quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản nhà nước

a) Số tiền thu được từ bán tài sản nhà nước, sau khi trừ đi các chi phí quy định tại Điểm c, Khoản này (nếu có) được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được sử dụng số tiền thu được tại Điểm a, Khoản này để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

c) Chi phí hợp lý liên quan đến việc bán tài sản nhà nước gồm:

- Chi phí kiểm kê tài sản; đo vẽ nhà, đất;
- Chi phí di dời;
- Chi phí định giá và thẩm định giá tài sản;
- Chi phí tổ chức bán đấu giá;
- Các chi phí khác có liên quan.

8. Hội đồng xác định giá, Hội đồng thẩm định giá và Hội đồng bán đấu giá tài sản nhà nước

a) Hội đồng xác định giá được thành lập trong các trường hợp sau đây:

- Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản nhà nước quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều này;

- Xác định giá bán chỉ định tài sản nhà nước quy định tại Điểm a, Khoản 6 Điều này;

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất làm cơ sở xác định giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều 22 Thông tư số 245/2009/TT-BTC;

- Xác định giá trị còn lại của tài sản nhà nước (trừ giá trị quyền sử dụng đất) để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính theo quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều 22 Thông tư số 245/2009/TT-BTC.

b) Hội đồng thẩm định giá được thành lập trong các trường hợp sau đây:

- Thẩm định giá tài sản trên cơ sở kết quả xác định giá của tổ chức có đủ điều kiện thẩm định về giá thực hiện xác định giá để bán chỉ định tài sản nhà nước theo quy định tại Điểm a, Khoản 6 Điều này;

- Thẩm định giá trị quyền sử dụng đất do tổ chức có đủ điều kiện thẩm định về giá thực hiện xác định giá để làm cơ sở giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 22 Thông tư số 245/2009/TT-BTC.

c) Hội đồng bán đấu giá tài sản nhà nước được thành lập trong các trường hợp sau đây:

- Bán đấu giá đối với tài sản có giá trị lớn, bao gồm:

+ Tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1.000 (một ngàn) tỷ đồng trở lên;

+ Tài sản khác không phải là trụ sở làm việc, không phải là tài sản khác gắn liền với đất có giá khởi điểm để bán đấu giá từ 100 (một trăm) tỷ đồng trở lên;

- Tài sản có nguồn gốc phức tạp, tài sản đặc biệt quý hiếm, có yêu cầu quản lý đặc biệt của Nhà nước hoặc các trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Tài sản không thuê được tổ chức có chức năng bán đấu giá.

d) Thành phần của Hội đồng xác định giá, Hội đồng thẩm định giá:

d1) Sở Tài chính thành lập Hội đồng xác định giá trong các trường hợp sau:

- Xác định giá khởi điểm đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất, mà cơ quan có tài sản bán không thuê được tổ chức có đủ điều kiện thẩm định về giá để xác định giá tài sản;

- Xác định giá bán chỉ định đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất, mà cơ quan có tài sản bán không thuê được tổ chức có đủ điều kiện thẩm định về giá để xác định giá tài sản;

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất làm cơ sở xác định giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

Thành phần Hội đồng gồm:

- + Lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng;
- + Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng;
- + Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản;
- + Đại diện cơ quan khác có liên quan.

d2) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập Hội đồng xác định giá trong các trường hợp sau:

- Xác định giá khởi điểm đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất trên cơ sở mức giá do tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá được thuê để thực hiện xác định giá tài sản;

- Xác định giá khởi điểm đối với tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác;

- Xác định giá bán chỉ định đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất trên cơ sở mức giá do tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá được thuê để thực hiện xác định giá tài sản;

- Xác định giá bán chỉ định đối với tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác.

Thành phần Hội đồng gồm:

- + Lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị làm Chủ tịch Hội đồng;
- + Đại diện cơ quan quản lý cấp trên;
- + Đại diện bộ phận được giao trực tiếp sử dụng tài sản;
- + Đại diện bộ phận tài chính - kế toán của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- + Đại diện cơ quan chuyên môn kỹ thuật (nếu cần);
- + Các thành viên khác có liên quan.

d3) Sở Tài chính thành lập Hội đồng thẩm định giá để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điểm b Khoản này.

Thành phần Hội đồng tương tự như quy định tại Tiết d1, Điểm d Khoản này.

e) Thành phần của Hội đồng bán đấu giá tài sản nhà nước:

- Trường hợp bán tài sản có giá trị lớn, tài sản có nguồn gốc phức tạp, tài sản đặc biệt quý hiếm, có yêu cầu quản lý đặc biệt của Nhà nước Sở Tài chính thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản nhà nước với thành phần gồm: Đại diện cơ quan quyết định thành lập Hội đồng làm Chủ tịch Hội đồng; đại diện cơ quan, tổ

chức, đơn vị có tài sản nhà nước bán đấu giá; đại diện cơ quan chuyên môn kỹ thuật (nếu cần) và các thành viên khác có liên quan;

- Đối với việc bán tài sản mà không thuê được tổ chức có chức năng bán đấu giá cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản nhà nước theo thành phần quy định tại Tiết d2, Điểm d, Khoản này;

- Hội đồng bán đấu giá tài sản nhà nước không nhất thiết phải có đấu giá viên.

g) Kinh phí hoạt động của Hội đồng xác định giá và Hội đồng thẩm định giá phục vụ việc bán tài sản nhà nước, Hội đồng bán đấu giá tài sản nhà nước được tính trong chi phí bán tài sản nhà nước.

Kinh phí hoạt động của Hội đồng xác định giá và Hội đồng thẩm định giá phục vụ việc xác định giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được bố trí từ nguồn kinh phí của đơn vị sự nghiệp công lập được xác định giá trị tài sản nhà nước.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước được thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo quy định của chế độ mà không thể tiếp tục sử dụng.

b) Bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả.

c) Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan đối với các trường hợp sau:

- Trụ sở làm việc (Không bao gồm quyền sử dụng đất; nhà cửa và các tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điểm c Khoản này) và các tài sản khác gắn liền với đất;

- Xe ô tô các loại;

- Máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

b) Giám đốc Sở Tài chính trên cơ sở đề nghị thanh lý tài sản nhà nước của thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và chế độ quản lý tài sản nhà nước hiện hành quyết định thanh lý tài sản nhà nước (trừ các tài sản đã quy định tại Điểm a Khoản này) là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản nhà nước (trừ các tài sản đã quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, gồm:

- Nhà cửa và các tài sản khác gắn liền với đất phải giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình mới. Với điều kiện công trình mới này thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

d) Riêng các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính: thủ trưởng đơn vị quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (trừ tài sản quy định tại Điểm a Khoản này).

3. Phương thức thanh lý tài sản nhà nước

a) Tài sản nhà nước được thanh lý theo các phương thức sau:

- Bán tài sản nhà nước;
- Phá dỡ, hủy bỏ tài sản nhà nước.

b) Việc thanh lý tài sản nhà nước theo phương thức bán được thực hiện đấu giá theo như quy định tại Điều 8 của Quy định này, trừ các trường hợp sau đây được bán chỉ định:

- Tài sản nhà nước đã hết giá trị còn lại theo sổ kế toán. Riêng tài sản là nhà và tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản phải đánh giá lại, nếu giá trị còn lại theo đánh giá lại dưới 50 triệu đồng (năm mươi triệu đồng)/01 đơn vị tài sản thì được bán chỉ định;

- Trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản nhà nước và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản nhà nước

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản nhà nước, gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gồm:

- Văn bản đề nghị thanh lý tài sản nhà nước;
- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý;

- Đối với các loại tài sản mà pháp luật có quy định khi thanh lý cần có ý kiến xác nhận chất lượng tài sản của cơ quan chuyên môn thì phải gửi kèm ý kiến bằng văn bản của các cơ quan này.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thanh lý tài sản, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thanh lý tài sản. Nội dung chủ yếu của quyết định thanh lý tài sản nhà nước gồm:

- Tên cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý;
- Danh mục tài sản thanh lý;
- Phương thức thanh lý tài sản;
- Quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý tài sản;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Trong thời hạn 60 ngày đối với tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất, 30 ngày đối với tài sản khác kể từ ngày có quyết định thanh lý tài sản, cơ quan có tài sản thanh lý tổ chức thanh lý tài sản nhà nước theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều này.

d) Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan có tài sản thanh lý hạch toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

5. Tổ chức thanh lý tài sản nhà nước theo phương thức bán

a) Việc xác định giá khởi điểm và tổ chức bán đấu giá tài sản thanh lý thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 8 Quy định này.

b) Việc xác định giá bán và tổ chức bán chỉ định tài sản thanh lý thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 8 Quy định này.

6. Tổ chức thanh lý tài sản nhà nước theo phương thức phá dỡ, hủy bỏ

a) Cơ quan có tài sản thanh lý tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp phá dỡ trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng (một tỷ đồng) trở lên/1 đơn vị tài sản thì phải đấu thầu hoặc đấu giá thanh lý. Việc đấu thầu hoặc đấu giá thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Tài sản thu hồi từ việc phá dỡ được xử lý bán theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 Điều này.

7. Quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý tài sản nhà nước

a) Số tiền thu được từ thanh lý tài sản nhà nước, sau khi trừ đi các chi phí quy định tại Điểm b Khoản này được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trường hợp số tiền thu được từ thanh lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao cho cơ quan có tài sản thanh lý.

b) Chi phí hợp lý liên quan đến việc thanh lý tài sản nhà nước gồm:

- Chi phí kiểm kê tài sản;
- Chi phí phá dỡ, hủy bỏ tài sản;
- Chi phí định giá và thẩm định giá tài sản;
- Chi phí tổ chức bán đấu giá;
- Các chi phí khác có liên quan.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước

Tài sản nhà nước phải được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước như sau:

1. Đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc:

a) Căn cứ dự toán hàng năm hoặc dự toán bổ sung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên.

b) Căn cứ dự toán được giao hàng năm hoặc dự toán bổ sung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thủ trưởng sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc quản lý có giá trị dưới 01 tỷ đồng.

Trình tự, thủ tục bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

2. Đối với tài sản khác (không thuộc Khoản 1 Điều này):

Trên cơ sở dự toán được giao, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý sử dụng tài sản quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định việc cho thuê tài sản nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý sử dụng tài sản nhà nước không được sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích cá nhân, cho thuê và mục đích kinh doanh khác.

2. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính được phép dùng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh liên kết theo Điều 32, Điều 33 Luật Quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 12. Thẩm quyền sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích liên doanh, liên kết

1. Tài sản được liên doanh liên kết

Các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính được sử dụng tài sản Nhà nước vào mục đích liên doanh liên kết với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong trường hợp: tài sản sử dụng chưa hết công suất; tài sản để phục vụ liên doanh liên kết theo dự án; sử dụng để liên doanh, liên kết có hiệu quả cao hơn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng tài sản Nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập để liên doanh, liên kết.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước bị tiêu hủy: là tài sản phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm theo phân cấp thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đó ra quyết định tiêu hủy.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài sản nhà nước đảm bảo thống nhất trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Chấp hành, triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quy định này.

3. Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước theo Quy định này.

4. Tổng hợp báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

6. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 16 Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chấp hành việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quy định này.

2. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, thẩm quyền được phân cấp về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quy định này.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

5. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 16 Quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Chấp hành việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quy định này.

2. Sử dụng tài sản nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Thực hiện kê khai đăng ký tài sản, lập thẻ tài sản, theo dõi hạch toán kế toán và báo cáo tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện:

a) Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý (theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 245/2009/TT-BTC).

b) Quy định công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị; thực hiện báo cáo, định kỳ hàng năm theo đúng quy định tại Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg ngày 27/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/6/2010 của Bộ Tài chính.

5. Công khai chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Quyết định số 05/2014/QĐ-TTg ngày 15/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bích Ngọc
Nguyễn Bích Ngọc